

Thứ năm, ngày 4 tháng 6 năm 2020

Vietnam Daily Review

Xu hướng tích lũy

Tổng quan

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 05/06/2020		•	
Tuần 1/6-5/6/2020		•	
Tháng 6/2020		•	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: VN-Index tăng tích cực đầu phiên sáng, trước khi giành phần lớn thời gian giao dịch giằng co quanh 885-888 điểm. Khối ngoại tiếp tục bán ròng trên cả hai sàn HSX và HNX. Dòng tiền đầu tư lan tỏa vào cả thị trường khi 17/19 nhóm ngành tăng điểm, với mức tăng mạnh nhất tập trung tại dịch vụ tài chính (HCM, VCI) cùng ngân hàng (VCB, BID). Độ rộng thị trường duy trì trạng thái tích cực, biên độ thị trường giảm và thanh khoản tăng cho thấy xu hướng tích lũy ngắn hạn quanh ngưỡng 880 điểm vẫn sẽ tiếp tục. .

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL đều giảm theo chỉ số cơ sở. Nhà đầu tư có thể cân nhắc những nhịp cạnh bán và mua lại với giá mục tiêu quanh ngưỡng 800 điểm cho các hợp đồng ngắn hạn.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 04/06/2020, phần lớn chứng quyền đều giảm, trong khi chứng khoán cơ sở có sự phân hóa về giá. Giá trị giao dịch tăng tích cực.

Cập nhật hiệu suất danh mục i-Invest:

Danh mục đáng chú ý trong ngày: **Theme_Bảo hiểm & Chứng khoán_2.8%**

Phân tích kỹ thuật: DGW_Bứt phá (Trang 3)

Điểm nhấn

- VN-Index **+2.73** điểm, đóng cửa **883.90**. HNX-Index **+0.94** điểm, đóng cửa **117.42**.
- Kéo chỉ số tăng: **VCB (+1.25)**; **BID (+1.95)**; **CTG (+2.71)**; **VNM (+2.71)**; **HVN (+1.03)**.
- Kéo chỉ số giảm: **VIC (-0.83)**; **VHM (-0.51)**; **GVR (-2.31)**; **HPG (-1.30)**; **VPB (-1.23)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **5,408** tỷ đồng, tăng **25.02%** so với phiên trước.
- Biên độ dao động là **5.10** điểm, giảm nhẹ so cùng phiên liền trước. Thị trường có **210** mã tăng, **72** mã tham chiếu và **144** mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **-163.93** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **E1VFN30 (-141.3 tỷ)**, **HPG (-137.4 tỷ)** và **MSN(-35.6 tỷ)**. Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **-4.76** tỷ đồng.

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Tô Quang Vinh

vinhtq@bsc.com.vn

Nhóm Phân tích định lượng- i-Invest

Đỗ Nam Tùng

tungdn@bsc.com.vn

Vũ Quốc Khánh

khanhvq@bsc.com.vn

VN-INDEX

883.90

Giá trị: 5408.26 tỷ

2.73 (0.31%)

Khối ngoại (ròng): -163.93 tỷ

HNX-INDEX

117.42

Giá trị: 623.32 tỷ

0.93 (0.8%)

Khối ngoại (ròng): -4.76 tỷ

UPCOM-INDEX

56.33

Giá trị: 0.94 tỷ

0 (0%)

Khối ngoại(ròng): 16.17 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá đầu	36.8	-1.37%
Giá vàng	1,707	0.43%
Tỷ giá USD/VND	23,264	0.03%
Tỷ giá EUR/VND	26,107	0.31%
Tỷ giá JPY/VND	21,337	-0.11%
LS liên NH 1 tháng	1.2%	12.98%
LS TPCP 5 năm	2.1%	-1.10%

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
CTG	53.3	E1VFN30	-141.3
VHM	43.9	CII	-137.4
VNMM	39.6	BVH	-35.6
VRE	31.2	VIC	-26.1
POW	17.2	DBC	-16.6

Nguồn: BSC Research

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
i-INVEST	Trang 2
Tín hiệu cổ phiếu	Trang 3
Tín hiệu hàng hóa	Trang 4
Thị trường phái sinh	Trang 5
Cổ phiếu lớn	Trang 6
Thống kê thị trường	Trang 7
Báo cáo mới nhất	Trang 8
iBroker	Trang 9
Khuyến cáo sử dụng	Trang 10

Cập nhật Hiệu suất Danh mục i-Invest

BSC RESEARCH
Vietnam Daily Review
4/6/2020

* Danh mục đáng chú ý trong ngày: Theme_Bảo hiểm & Chứng khoán_2.8%

Danh mục	Hiệu suất danh mục						Độ lệch chuẩn
	Ngày	Tuần	Tháng	Quý	Nửa năm	Năm	
Chủ đề (Click để xem báo cáo)	10/24 danh mục Chủ đề có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX						
Bảo hiểm & Chứng khoán	2.8%	4.7%	4.7%	42.6%	-3.4%	-3.4%	22.4%
Xây dựng	2.6%	4.1%	4.1%	44.2%	-1.1%	-1.1%	19.1%
Lãi suất giảm	1.4%	2.4%	2.4%	46.0%	-3.7%	-3.7%	19.0%
Hàng tiêu dùng	1.2%	2.5%	2.5%	52.0%	-2.0%	-2.0%	19.4%
Corona Avengers	0.9%	4.7%	4.7%	54.4%	1.7%	1.7%	22.0%
Stay-at-home	0.9%	1.8%	1.8%	40.9%	2.2%	2.2%	17.2%
Cổ tức cao - Thanh khoản tốt	0.7%	2.0%	2.0%	36.8%	6.4%	6.4%	15.6%
BĐS & Khu công nghiệp	0.5%	2.7%	2.7%	31.4%	-8.9%	-8.9%	17.9%
Dầu khí	0.5%	6.9%	6.9%	49.8%	-19.0%	-19.0%	25.1%
Ngân Hàng	0.5%	6.0%	6.0%	40.0%	0.7%	0.7%	23.4%
Cổ phiếu hết room ngoại	0.3%	3.1%	3.1%	37.3%	-8.7%	-8.7%	19.3%
Nước & Năng lượng	0.2%	1.4%	1.4%	30.3%	-7.6%	-7.6%	16.6%
Chiến tranh thương mại	0.2%	1.2%	1.2%	43.7%	-9.0%	-9.0%	18.1%
Vật liệu Xây dựng	0.2%	0.1%	0.1%	45.2%	-1.7%	-1.7%	20.4%
VN Diamond	0.1%	2.5%	2.5%	37.2%	-9.6%	-9.6%	19.4%
FTSE Việt Nam	0.1%	1.0%	1.0%	30.0%	-7.1%	-7.1%	16.8%
MSCI frontier 100 Việt Nam	0.0%	1.2%	1.2%	32.1%	-7.2%	-7.2%	15.8%
VN FinSelect	0.0%	4.7%	4.7%	39.8%	-2.2%	-2.2%	19.9%
Cổ phiếu đầu ngành tài chính	0.0%	5.1%	5.1%	41.4%	-2.1%	-2.1%	21.5%
Cổ phiếu cơ sở Chứng quyền	-0.1%	1.2%	1.2%	33.9%	-7.7%	-7.7%	17.7%
Top 10 cổ phiếu VN30	-0.2%	3.1%	3.1%	35.3%	-10.7%	-10.7%	16.6%
Tăng trưởng - định giá hấp dẫn	-0.2%	1.6%	1.6%	43.4%	-8.4%	-8.4%	21.2%
Ngành Dược	-0.4%	0.8%	0.8%	18.7%	-5.0%	-5.0%	18.3%
Bất động sản Khu công nghiệp	-1.5%	2.2%	2.2%	9.8%	9.8%	9.8%	25.9%
Mục tiêu	8/9 danh mục Mục tiêu có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX						
S11	1.4%	2.7%	2.7%	29.5%	-1.0%	-1.0%	18.8%
L32	1.2%	4.8%	4.8%	56.2%	-5.3%	-5.3%	20.8%
S32	0.8%	3.0%	3.0%	49.8%	-12.1%	-12.1%	22.2%
L11	0.8%	2.2%	2.2%	32.2%	-8.4%	-8.4%	17.3%
M31	0.7%	4.0%	4.0%	39.2%	-5.0%	-5.0%	20.9%
L22	0.7%	1.5%	1.5%	42.4%	-6.7%	-6.7%	19.6%
M12	0.5%	2.3%	2.3%	34.6%	-4.0%	-4.0%	19.8%
M22	0.5%	1.8%	1.8%	40.3%	-1.4%	-1.4%	18.8%
S21	0.2%	1.6%	1.6%	39.5%	-5.6%	-5.6%	19.8%
Khẩu vị Rủi ro	2/3 danh mục Khẩu vị Rủi ro có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX						
MID1	1.6%	4.1%	4.1%	41.3%	1.7%	1.7%	17.4%
LOW1	0.6%	2.1%	2.1%	30.7%	-3.6%	-3.6%	17.0%
HIGH3	-0.6%	2.4%	2.4%	42.8%	1.8%	1.8%	18.9%
INDEX							
VNINDEX	0.3%	2.2%	2.2%	33.4%	-8.0%	-8.0%	16.8%
VN30INDEX	-0.1%	2.2%	2.2%	34.9%	-6.3%	-6.3%	17.3%

*Hiệu suất danh mục sử dụng dữ liệu thật theo đúng kỳ tái cân bằng của danh mục.

Tham chiếu chỉ số VNINDEX

Danh mục	Tổng số	Ngày		Tuần		Tháng	
		Thắng	Thua	Thắng	Thua	Thắng	Thua
Chủ đề	24	10	14	13	11	13	11
Mục tiêu	9	8	1	5	4	5	4
Rủi ro	3	2	1	2	1	2	1

*Để xem chi tiết danh mục xin vui lòng đăng nhập vào BSC i-Invest theo đường link:

<https://invest.bsc.com.vn/#/login>

Vũ Quốc Khánh

khanhvq@bsc.com.vn

Phân tích kỹ thuật

DGW_Bứt phá

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Tăng giá
- Chỉ báo xu hướng MACD: Phân kỳ dương, MACD nằm trên đường tín hiệu.
- Chỉ báo RSI: Vùng trung lập, xu hướng tăng.

Nhận định: DGW đang ở trong trạng thái tăng giá từ đầu tháng 4 đến nay đồng thuận với đà hồi phục của thị trường chứng khoán Việt Nam. Thanh khoản cổ phiếu những phiên gần đây đang có chiều hướng tăng dần. Phiên hôm nay, sự hưng phấn đã đẩy giá cổ phiếu tăng kịch trần, qua đó chính thức vượt qua ngưỡng cản tại khu vực giá 28-28.5. Các chỉ báo xu hướng hầu hết đều đang ủng hộ cho trạng thái tích cực của DGW. Chỉ báo động lượng RSI đang tiệm cận vùng quá mua nên cổ phiếu có thể sẽ có sự điều chỉnh trong ngắn hạn. Ngưỡng hỗ trợ gần nhất của DGW nằm tại mốc 27. Mục tiêu chốt lời của cổ phiếu nằm tại xung quanh ngưỡng 35, cắt lỗ nếu mốc 25 bị xuyên thủng.



Nguồn: BSC, PTKT Itrade

Các mã cổ phiếu tăng giá theo dự báo của BSC

PLX_ Tín hiệu tích cực

[Link](#)

GVR_ Tín hiệu tích cực

[Link](#)

PC1_ Tăng giá

[Link](#)

CTI_ Xu hướng tăng

[Link](#)

VNM_ Hưng phấn

[Link](#)

Cập nhật giá cả hàng hóa sáng 05/06

*Mặt hàng	ĐVT	Giá	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu ra	Liên quan đầu vào
Dầu WTI	USD/barrel	36.76	-1.42%	9.00%	61.40%	-27.72%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Dầu Brent	USD/barrel	39.45	-0.85%	9.50%	23.60%	-32.82%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Xăng	USDcent/gallon	111.45	-0.43%	8.60%	32.60%	-31.27%	PLX, OIL	HVN, VJC
Vàng	USD/ounce	1702.10	0.14%	-0.90%	-0.20%	26.40%	PNJ	PNJ
Bạc	USD/ounce	17.59	-0.37%	1.20%	17.50%	17.16%	PNJ	PNJ
Đậu tương	UScent/bushel	856.75	-0.09%	1.20%	2.40%	-8.37%	HKB	DBC, QNS
Lúa mì	UScent/bushel	512.75	0.15%	-0.30%	-1.30%	-4.02%		AFX
Sữa	USD /cwt	19.93	0.50%	11.30%	54.00%	20.28%	VNM, GTN	KDC
Cao su	JPY/kg	142.41	-1.21%	-0.20%	n/a	n/a	DPR, PHR	SRC, CSM
Đường	US cent/lb	11.62	3.57%	7.60%	5.90%	-15.24%	SBT, LSS	VNM, GTN
Cà phê	UScent/lb	99.10	0.92%	-3.30%	-6.60%	-16.55%	CTP, DLG	VCF, CTP
Đồng	USD/ton	5524.50	-0.07%	5.00%	6.50%	-4.86%	MSN, ACM	CAV, SAM
Thép	USD/ton	514.73	0.60%	5.30%	8.80%	n/a	HSG, HPG	PC1, CTD
Nhôm	USD/ton	1568.50	1.39%	2.90%	5.00%	-11.43%		CAV, SAM
Quặng sắt	USD/ton	106.76	0.86%	8.00%	24.20%	n/a	HSG, HPG	HSG, HPG
Than đá	USD/ton	57.10	0.00%	0.90%	8.20%	-27.49%	HLC, NBC	HT1, BCC

Nguồn: BSC tổng hợp

Thông tin nổi bật

Giá dầu

- Dầu thô Brent kỳ hạn tháng 8 tăng 22 US cent, tương đương 0.6%, lên 39.79 USD/thùng. Dầu thô Tây Texas WTI kỳ hạn tháng 7 tăng 48 US cent lên 37.29 USD/thùng.
- Thông tin tồn trữ dầu thô của Mỹ trong tuần vừa qua giảm hỗ trợ xu hướng giá tăng, song tồn trữ sản phẩm dầu lọc của nước này tăng hạn chế đã đi lên của mặt hàng này.
- Saudi Arabia và Nga đã nhất trí kéo dài thỏa thuận cắt giảm sản lượng thêm một tháng (ít hơn 1 tháng so với dự đoán của thị trường).

Giá vàng

- Vàng giao ngay giảm 1.6% xuống 1,699.37 USD/ounce. Vàng kỳ hạn tháng 8/2020 giảm 1.75% xuống 1,703.50 USD/ounce. Giá vàng giảm hơn 2% trong phiên giao dịch vừa qua khi nhà đầu tư lại tìm tới những tài sản có độ rủi ro cao hơn với hy vọng kinh tế thế giới sẽ hồi phục nhanh trở lại sau giai đoạn suy thoái do Covid-19.

Giá sắt thép

- Quặng sắt trên sàn Đại Liên tăng 0.4% trong phiên vừa qua do triển vọng nhu cầu tốt và lo ngại về nguồn cung ở Brazil.
- Thép cây kỳ hạn tháng 10/2020 trên sàn Thượng Hải tăng 0.7%. Tồn trữ thép cây tại Trung Quốc đã giảm khoảng 40% kể từ giữa tháng 3/2020, cho thấy nhu cầu hồi phục tốt sau khi chính sách cách ly chống dịch Covid-19 được dỡ bỏ. Hoạt động xây dựng là chỉ báo về sự hồi phục của nền kinh tế này. Thép cuộn cán nóng tại Trung Quốc giảm 1% trong phiên vừa qua, sau 4 phiên tăng liên tiếp.

Giá cao su

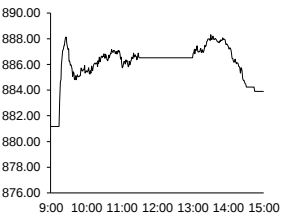
- Hợp đồng cao su trên sàn giao dịch hàng hóa Tokyo kỳ hạn tháng 11 tăng 1.7 JPY (1.1%) lên 157 JPY/kg. Một trong những tín hiệu mới nhất về sự hồi phục kinh tế là lĩnh vực dịch vụ của Trung Quốc đã trở lại tăng trưởng trong tháng 5/2020, lần tăng đầu tiên kể từ tháng 1/2020

Giá nông sản

- Đường thô kỳ hạn tháng 7 tăng 0.4 US cent, tương đương 3.6%, lên 11.62 US cent/lb. Đường trắng kỳ hạn tháng 8/2020 tăng 5.6 USD (1.5%) lên 375.6 USD/tấn. Giá đường thô trên sàn New York đã lập kỷ lục cao nhất hai tháng rưỡi trong phiên vừa qua, được kích thích bởi thị trường chứng khoán thế giới bật tăng và đồng real Brazil tăng giá.
- Cà phê arabica kỳ hạn tháng 7 tăng 0.9 US cent (0.9%) lên 99.1 US cent/lb giữa bối cảnh sản lượng của Brazil năm nay dự kiến sẽ tiếp tục ở mức cao như năm ngoái. Cà phê robusta kỳ hạn tháng 7 tăng 23 USD (2%) lên 1,202 USD/tấn.

Hình 1

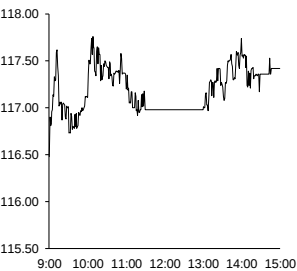
HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 2

HNX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 1

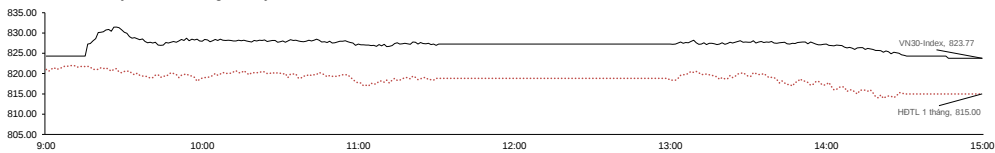
Vận động ngành trong ngày

Ngành	±%
Tài nguyên Cơ bản L2	-1.19%
Bảo hiểm L2	-0.18%
Viễn thông L2	0.00%
Bất động sản L2	0.09%
Y tế L2	0.19%
Thực phẩm và đồ uống L2	0.38%
Bán lẻ L2	0.45%
Du lịch và Giải trí L2	0.46%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp L2	0.67%
Xây dựng và Vật liệu L2	0.72%
Công nghệ Thông tin L2	0.84%
Truyền thông L2	0.85%
Hàng cá nhân & Gia dụng L2	0.97%
Ô tô và phụ tùng L2	1.13%
Dầu khí L2	1.43%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt L2	1.63%
Hóa chất L2	1.69%
Ngân hàng L2	2.77%
Dịch vụ tài chính L2	3.39%

Nguồn: FiinPro

Thị trường hợp đồng tương lai

Hình 4
VN30-Index Intraday vs HDTL 1 tháng intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 4 Hợp đồng tương lai							
CK	Đóng	± Ngày	± Basis	%KL	KLGD	Đạo hạn	Số ngày*
VN30F2006	815.00	-0.49%	-8.77	-35.6%	131,414	6/18/2020	14
VN30F2007	805.80	-0.31%	-17.97	-44.1%	587	7/16/2020	42
VN30F2009	785.50	-0.44%	-38.27	147.7%	327	9/17/2020	105
VN30F2012	788.80	-0.03%	-34.97	-39.3%	54	12/17/2020	196

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

• VN30 Index giảm nhẹ -0.52 điểm xuống mức 823.77 điểm. Các cổ phiếu chủ chốt như VNM, CTG, HPG, và VPB tác động mạnh đến vận động tích lũy của VN30. VN30 tăng tích cực đầu phiên sáng lên trên 830 điểm, sau đó vận động tích lũy quanh 827-828 điểm. Cuối phiên chiều, VN30 điều chỉnh giảm xuống dưới ngưỡng tham chiếu. Thanh khoản tăng, VN30 có thể tiếp tục vận động tích lũy ngắn hạn trước khi tăng lên 840 điểm trong những phiên tiếp theo.

• Các HDTL đều giảm theo chỉ số cơ sở. Xét về khối lượng giao dịch, VN30F2006 và VN30F2009 đang tăng, trong khi VN30F2007 và VN30F2012 đang giảm. Xét về vị thế mở, các hợp đồng đều tăng. Điều này báo hiệu nhịp điều chỉnh ngắn hạn. Nhà đầu tư có thể cân nhắc những nhịp cạnh bán và mua lại với giá mục tiêu quanh ngưỡng 800 điểm cho các hợp đồng ngắn hạn.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	CTCK	Đạo hạn	Số ngày	CR	KLGD	± Ngày	KLNY (cp)	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết	Price/Value
CVRE2003	KIS	12/16/2020	195	2:1	339.740	278.2%	3.0 triệu	41.39%	3.000	1.110	3.74%	508.90	2.18
CVNM2003	MBS	9/4/2020	92	10:1	184.670	-33.1%	3.0 triệu	30.08%	1.450	2.700	2.66%	2.530.80	1.07
CDPM2002	KIS	12/16/2020	195	1:1	49.240	-49.1%	2.0 triệu	39.45%	1.700	2.660	1.53%	1.557.60	1.71
CFPT2003	SSI	11/9/2020	158	1:1	35.760	4.4%	2.0 triệu	32.00%	7.300	11.970	1.27%	9.298.30	1.29
CFPT2005	VND	7/1/2020	27	1:1	23.310	-33.2%	1.0 triệu	32.00%	2.900	8.530	0.83%	7.936.30	1.07
CSTB2003	KIS	9/16/2020	104	1:1	123.550	-56.1%	3.0 triệu	38.70%	1.360	1.340	0.75%	717.70	1.87
CREE2002	VND	7/1/2020	27	1:1	188.220	62.0%	1.5 triệu	29.36%	1.800	1.950	0.52%	1.074.50	1.81
CMSN2004	MBS	9/4/2020	92	5:1	144.710	0.0%	1.5 triệu	33.09%	1.980	2.490	0.00%	2.013.60	1.24
CMBB2002	SSI	8/10/2020	67	1:1	134.230	59.8%	3.0 triệu	33.21%	1.300	1.600	0.00%	1.096.50	1.46
CPNJ2004	MBS	8/18/2020	75	5:1	206.540	-3.2%	2.5 triệu	34.80%	1.000	960	0.00%	579.70	1.66
CFPT2004	SSI	8/10/2020	67	1:1	30.160	-20.7%	2.0 triệu	32.00%	5.100	9.160	-0.33%	7.492.30	1.22
CVPB2001	HSC	6/22/2020	18	2:1	136.940	27.9%	5.0 triệu	42.79%	1.500	2.070	-1.43%	2.033.60	1.02
CHPG2005	VND	10/1/2020	119	1:1	49.140	-14.7%	2.0 triệu	34.97%	2.100	8.030	-2.31%	7.961.50	1.01
CTCB2004	MBS	8/18/2020	75	2:1	245.650	22.6%	2.0 triệu	35.37%	1.050	2.370	-3.27%	2.233.50	1.06
CSTB2001	KIS	6/19/2020	15	1:1	745.780	322.2%	5.0 triệu	38.70%	1.500	290	-3.33%	181.80	1.60
CHPG2004	SSI	6/15/2020	11	1:1	321.630	212.7%	5.0 triệu	34.97%	2.800	3.300	-3.79%	3.144.40	1.05
CHPG2002	KIS	12/16/2020	195	2:1	110.370	21.4%	3.0 triệu	34.97%	1.700	1.640	-4.09%	854.10	1.92
CVPB2005	MBS	8/18/2020	75	2:1	236.090	66.8%	2.0 triệu	42.79%	1.510	2.600	-4.41%	2.481.70	1.05
CVHM2001	KIS	12/16/2020	195	5:1	235.690	50.2%	2.0 triệu	34.74%	3.100	1.520	-5.00%	627.40	2.42
CVPB2003	VCSC	7/22/2020	48	1:1	78.010	254.9%	1.5 triệu	42.79%	2.200	2.500	-9.09%	2.734.60	0.91
CVRE2002	HSC	6/22/2020	18	4:1	44.380	-89.5%	5.0 triệu	41.39%	1.400	70	-12.50%	33.30	2.10
Tổng:					3.663.810		57.00 triệu		36.17%**				
Chú thích:					Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất				CR: Tỷ lệ chuyển đổi				
					Lãi suất phi rủi ro là 4.75%				Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn				
					**Trung bình độ lệch chuẩn				*Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes				

Nhận định:

• Trong phiên giao dịch ngày 04/06/2020, phần lớn chứng quyền đều giảm, trong khi chứng khoán cơ sở có sự phân hóa về giá. Giá trị giao dịch tăng tích cực.

• Về giá, CPNJ2003 và CHPG2007 giảm tiêu cực lần lượt là -20.00% và -4.88%. Giá trị giao dịch tăng 10.10%. CHPG2004 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 12.15% thị trường.

• Ngoại trừ các chứng quyền có chứng khoán cơ sở là FPT, HDB, HPG, MBB, TCB và VPB, các chứng quyền khác đều có giá thị trường cao hơn nhiều lần mức giá lý thuyết. CHPG2005 và CHPG2007 là những chứng quyền tích cực nhất xét về trạng thái lãi. CHPG2005 và CFPT2005 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời.

Tổ Quang Vinh
vinhqa@bsc.com.vn

Bảng 2
Top tăng điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
VNM	117.80	1.03	0.89
CTG	24.65	2.71	0.63
VCB	89.00	1.25	0.59
SSI	15.70	3.29	0.24
CTD	72.00	6.98	0.21

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 3
Top giảm điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
HPG	26.6	-1.30	-0.76
VPB	24.0	-1.23	-0.67
HDB	27.8	-2.46	-0.62
VIC	96.0	-0.83	-0.50
TCB	21.2	-0.70	-0.45

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Mã	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CVRE2003	43,999	37,999	28,400
CVNM2003	108,500	94,000	117,800
CDPM2002	16,952	15,252	14,600
CFPT2003	57,300	50,000	48,400
CFPT2005	51,900	49,000	48,400
CSTB2003	12,471	11,111	10,600
CREE2002	33,800	32,000	32,000
CMSN2004	64,900	55,000	63,500
CMBB2002	19,300	18,000	18,000
CPNJ2004	72,000	67,000	63,700
CFPT2004	55,100	50,000	48,400
CVPB2001	23,000	20,000	24,000
CHPG2005	21,100	19,000	26,600
CTCB2004	19,100	17,000	21,200
CSTB2001	12,499	10,999	10,600
CHPG2004	26,300	23,500	26,600
CHPG2002	33,399	29,999	26,600
CVPB2005	22,520	19,500	24,000
CVHM2001	110,067	94,567	77,500
CVPB2003	24,200	22,000	24,000
CVRE2002	37,600	32,000	28,400

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Triệu USD)	Thanh khoản (triệu USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	85.5	0.1%	1.3	1,683	3.8	8,808	9.7	2.9	49.0%	33.6%
PNJ	Bán lẻ	63.7	0.5%	1.3	624	2.2	5,248	12.1	2.9	49.0%	26.0%
BVH	Bảo hiểm	49.9	-0.1%	1.3	1,609	1.5	1,307	38.2	1.9	28.4%	5.3%
PVI	Bảo hiểm	30.5	0.0%	0.5	296	0.0	2,092	14.6	1.0	54.3%	7.0%
VIC	Bất động sản	96.0	-0.8%	0.8	14,118	2.3	2,095	45.8	4.0	14.0%	10.6%
VRE	Bất động sản	28.4	1.1%	1.1	2,806	3.5	1,226	23.2	2.4	30.8%	10.3%
NVL	Bất động sản	54.5	0.4%	0.8	2,297	2.5	3,584	15.2	2.3	5.9%	16.3%
REE	Bất động sản	32.0	0.9%	0.8	431	1.5	4,976	6.4	1.0	49.0%	16.0%
DXG	Bất động sản	11.9	2.6%	1.4	268	3.1	2,289	5.2	0.9	39.9%	15.9%
SSI	Chứng khoán	15.7	3.3%	1.3	410	6.4	1,415	11.1	0.9	50.5%	7.8%
VCI	Chứng khoán	25.2	6.6%	1.0	180	2.7	4,240	5.9	1.0	28.8%	18.0%
HCM	Chứng khoán	19.7	2.3%	1.8	261	4.5	1,480	13.3	1.4	53.3%	12.0%
FPT	Công nghệ	48.4	-0.5%	0.8	1,650	2.7	4,804	10.1	2.2	49.0%	23.4%
FOX	Công nghệ	50.2	0.8%	0.4	543	0.0	4,812	10.4	2.7	0.2%	28.3%
GAS	Dầu khí	78.0	0.0%	1.5	6,491	2.9	5,820	13.4	2.9	3.3%	23.6%
PLX	Dầu khí	47.2	1.0%	1.5	2,441	1.8	869	54.2	3.0	13.3%	5.7%
PVS	Dầu khí	13.2	-1.5%	1.5	274	2.9	1,238	10.7	0.5	12.7%	4.8%
BSR	Dầu khí	7.8	6.8%	0.8	1,051	4.6	898	8.7	0.7	41.1%	8.5%
DHG	Dược	93.1	0.1%	0.5	529	0.1	5,046	18.5	3.5	54.4%	20.2%
DPM	Hóa chất	14.6	-0.3%	0.5	248	2.2	1,006	14.5	0.7	12.3%	5.4%
DCM	Hóa chất	8.3	0.6%	0.5	192	0.2	415	20.1	0.7	1.9%	3.7%
VCB	Ngân hàng	89.0	1.3%	1.1	14,352	1.7	4,848	18.4	3.9	23.8%	22.8%
BID	Ngân hàng	41.8	2.0%	1.4	7,310	3.7	2,140	19.5	2.2	17.7%	12.0%
CTG	Ngân hàng	24.7	2.7%	1.2	3,991	9.6	2,510	9.8	1.2	29.7%	12.6%
VPB	Ngân hàng	24.0	-1.2%	1.2	2,544	6.3	3,750	6.4	1.3	23.4%	22.7%
MBB	Ngân hàng	18.0	-0.3%	1.1	1,887	6.8	3,398	5.3	1.0	23.0%	20.1%
ACB	Ngân hàng	25.3	-0.8%	1.0	1,829	5.7	3,780	6.7	1.4	30.0%	23.9%
BMP	Nhựa	49.2	3.1%	0.9	175	0.5	5,303	9.3	1.6	80.1%	17.0%
NTP	Nhựa	36.0	-0.6%	0.4	154	0.2	4,208	8.6	1.4	18.7%	17.0%
MSR	Tài nguyên	14.9	-0.7%	0.5	641	0.0	356	41.9	1.2	2.0%	2.9%
HPG	Thép	26.6	-1.3%	1.1	3,193	15.8	2,764	9.6	1.5	36.3%	17.4%
HSG	Thép	9.9	-0.2%	1.5	192	4.0	1,491	6.7	0.7	14.9%	11.3%
VNM	Tiêu dùng	117.8	1.0%	0.7	8,919	3.8	5,453	21.6	6.8	58.8%	32.5%
SAB	Tiêu dùng	179.0	-0.6%	0.8	4,991	0.4	6,719	26.6	6.7	63.4%	27.2%
MSN	Tiêu dùng	63.5	-0.8%	1.0	3,227	4.2	3,961	16.0	1.8	39.4%	12.7%
SBT	Tiêu dùng	15.1	0.7%	0.8	384	1.6	171	88.2	1.2	5.9%	1.5%
ACV	Vận tải	63.9	6.0%	0.8	6,048	3.4	3,450	18.5	3.8	3.4%	22.3%
VJC	Vận tải	114.3	0.4%	1.1	2,603	3.4	7,110	16.1	4.0	18.4%	26.3%
HVN	Vận tải	27.9	1.8%	1.7	1,717	2.2	1,654	16.8	2.2	9.3%	12.9%
GMD	Vận tải	19.9	0.8%	0.9	256	0.3	1,583	12.5	1.0	49.0%	7.8%
PVT	Vận tải	11.5	-2.1%	1.1	140	1.1	2,117	5.4	0.7	25.0%	14.3%
VCS	Vật liệu xây dựng	66.5	-0.3%	0.9	449	0.9	9,201	7.2	3.1	2.6%	45.7%
VGC	Vật liệu xây dựng	19.1	2.1%	0.8	371	0.4	1,453	13.1	1.3	9.8%	10.1%
HT1	Vật liệu xây dựng	14.6	-2.0%	1.0	242	0.2	1,938	7.5	1.0	6.4%	13.8%
CTD	Xây dựng	72.0	7.0%	1.1	239	1.7	8,032	9.0	0.6	46.6%	7.3%
VCG	Xây dựng	25.2	0.0%	0.4	484	0.1	1,498	16.8	1.6	0.5%	10.0%
CII	Xây dựng	19.4	-1.0%	0.4	201	1.6	1,775	10.9	0.9	43.5%	8.5%
POW	Điện	10.6	0.0%	0.6	1,079	2.0	1,028	10.3	0.9	11.6%	9.4%
NT2	Điện	21.1	-0.5%	0.5	264	0.3	2,543	8.3	1.4	17.9%	18.1%

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VCB	89.00	1.25	1.17	450240.00
BID	41.80	1.95	0.92	2.01MLN
CTG	24.65	2.71	0.69	8.95MLN
VNM	117.80	1.03	0.60	735420.00
HVN	27.85	1.83	0.20	1.78MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VIC	0.00	-0.77	550740.00	1.11MLN
VHM	0.00	-0.38	3.13MLN	607060.00
GVR	0.00	-0.34	1.43MLN	373600.00
HPG	0.00	-0.28	13.49MLN	192700.00
VPB	0.00	-0.21	5.97MLN	611640.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
SVT	15.30	6.99	0.00	6960.00
CTD	72.00	6.98	0.11	542240.00
DGW	29.90	6.98	0.02	840320.00
PGC	18.40	6.98	0.02	1.17MLN
ABT	33.75	6.97	0.01	370.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
TNI	9.17	-7.00	-0.01	2.49MLN
CMV	13.35	-6.97	0.00	1330.00
VNE	4.54	-6.97	-0.01	133780.00
RIC	3.94	-6.86	0.00	210.00
LMH	0.70	-6.67	0.00	2.29MLN

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
SHB	15.90	4.61	0.92	6.31MLN
DGC	40.00	4.71	0.14	599100.00
SHS	10.60	9.28	0.13	5.35MLN
SHN	6.80	6.25	0.05	300.00
S99	8.50	8.97	0.03	257100.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
ACB	25.30	-0.78	-0.32	5.16MLN
TVC	26.00	-8.45	-0.08	840800.00
PVS	13.20	-1.49	-0.05	4.90MLN
SZB	28.20	-5.37	-0.02	9200.00
IDJ	13.20	-4.35	-0.02	312000.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

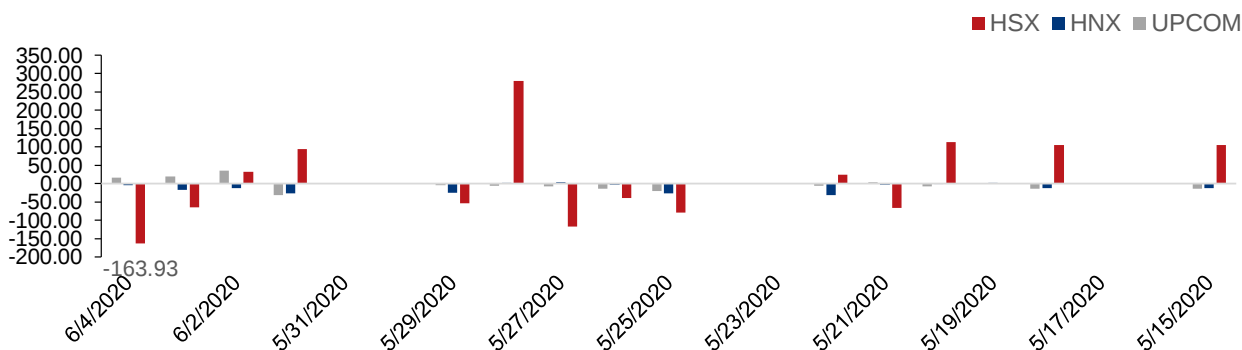
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
ACM	0.60	20.0	0.01	333400.00
KVC	1.00	11.1	0.01	198500.00
API	9.90	10.0	0.01	4600.00
PCE	9.90	10.0	0.00	200.00
SPI	1.10	10.0	0.00	194800.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
BII	0.70	-12.50	0.00	78100.00
PMS	14.20	-11.25	-0.01	2700.00
VIG	0.80	-11.11	0.00	870600.00
CET	1.80	-10.00	0.00	1100.00
PGT	3.60	-10.00	0.00	400.00

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Loại báo cáo	Mã cổ phiếu liên quan	Link tải báo cáo
1	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 5.2020	Phân tích vĩ mô		Click
2	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 4.2020	Phân tích vĩ mô		Click
3	BSC_Vietnam Sector Outlook_2020_VN_04212020	Phân tích ngành		Click
4	BSC_Vietnam_Hoa Kỳ cập nhật danh sách_22042020	Phân tích vĩ mô		Click
5	BSC_Tác động sụt giảm của giá dầu_19032020	Phân tích vĩ mô		Click
6	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 2.2020	Phân tích vĩ mô		Click
7	BSC_Dịch SARS-Cov_2 và các tác động_20200226	Phân tích vĩ mô		Click
8	11022020_Banking Sector Outlook_BSC Sector	Phân tích ngành		Click
9	BSC_Dịch Covid-19 (Virus corona) và tác động	Phân tích vĩ mô		Click
10	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 1.2020	Phân tích vĩ mô		Click
11	BSC_Vietnam Sector Outlook_2020	Phân tích ngành		Click
12	BSC_ Báo cáo tác động của Virus Corona	Phân tích vĩ mô		Click
13	20200121_BSC_Vietnam Sector Review_2019_VN	Phân tích ngành		Click
14	BSC_Vietnam Marco Market Outlook_VN_2020	Phân tích vĩ mô		Click
15	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 11.2019	Phân tích vĩ mô		Click
16	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 10.2019	Phân tích vĩ mô		Click
17	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2019	Phân tích ngành		Click
18	Vĩ Mô & Thị Trường Quý III_Tạo nền vững chắc	Phân tích vĩ mô		Click
19	BSC_ Quyết định 1870 về Lãi suất tác động	Phân tích vĩ mô		Click
20	Báo cáo Tổng kết KQKD 6T.2019_BSC Research	Phân tích ngành		Click

Danh sách các cổ phiếu BSC đã khuyến nghị gần đây

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tải báo cáo
1	VEA	Sản xuất	Theo dõi	27/05/2020	40.0	44.2	43.1	5,479	7.9	2.1	Click
2	SZC	Bất động sản	Mua	20/05/2018	18.7	22.2	21.2	1,140	18.6	1.8	Click
3	HPG	VLXD	Mua	20/05/2019	26.2	36.7	26.6	2,764	9.6	1.5	Click
4	TCB	Ngân hàng	Theo dõi	20/05/2020	21.3	25.0	21.2	2,987	7.1	1.2	Click
5	PNJ	Bán lẻ	Theo dõi	19/5/2020	62.0	64.5	63.7	5,248	12.1	2.9	Click
6	VTP	Viễn thông	Mua	19/5/2020	125.0	145.9	131.0	5,718	22.9	8.1	Click
7	DXG	Bất động sản	Theo dõi	19/5/2020	10.6	15.4	11.9	2,289	5.2	0.9	Click
8	PLC	Dầu khí	Theo dõi	15/5/2020	16.4	18.8	16.8	1,496	11.2	1.0	Click
9	HDG	Bất động sản	Theo dõi	15/5/2020	27.3	N/a	28.4	7,637	3.7	1.3	Click
10	CSV	Hóa chất	Theo dõi	13/5/2020	20.6	N/a	23.4	5,311	4.4	1.1	Click
11	DGW	Bán lẻ	Mua	13/5/2020	26.9	32.1	29.9	4,465	6.7	1.3	Click
12	VCB	Ngân hàng	Mua	8/5/2020	67.4	90.0	89.0	4,848	18.4	3.9	Click
13	ACB	Ngân hàng	Mua	7/5/2020	20.3	27.0	25.3	3,780	6.7	1.4	Click
14	VHC	Thủy sản	Theo dõi	6/5/2020	29.5	33.8	34.9	6,553	5.3	1.3	Click
15	PHR	Cao su	Mua	21/4/2020	43.7	51.9	53.7	3,887	13.8	2.7	Click
16	FPT	Công nghệ	Mua	16/4/2020	46.4	60.7	48.4	4,804	10.1	2.2	Click
17	GMD	Vận tải	Mua	18/3/2020	16.4	27.2	19.9	1,583	12.5	1.0	Click
18	KBC	Bất động sản	Mua	13/3/2020	12.4	17.1	14.2	1,880	7.6	0.7	Click
19	SAB	Thực phẩm	Theo dõi	13/3/2020	144.0	161.1	179.0	6,719	26.6	6.7	Click
20	KDH	Bất động sản	Mua	11/3/2020	23.0	28.9	23.0	1,780	12.9	1.6	Click



TRỢ LÝ THÔNG MINH iBROKER

Nhanh chóng, chính xác, chuyên sâu

BSC ibroker là dịch vụ 24/7 cung cấp cho khách hàng để hỗ trợ tra cứu thông tin, phân tích dữ liệu thị trường, dữ liệu cổ phiếu và đưa ra các tư vấn khuyến nghị đầu tư. BSC iBroker không thay thế khách hàng trong việc ra quyết định giao dịch; khách hàng nên xem xét BSC iBroker như một nguồn thông tin tham khảo.



Trợ lý phân tích định lượng (kim): gồm các chức năng tư vấn cổ phiếu dựa trên phân tích dữ liệu giá và khối lượng giao dịch, tư vấn tín hiệu mua/bán cổ phiếu trong phiên; tra cứu biến động dòng tiền theo các nhóm ngành thị trường; tra cứu tin tức báo chí,...



Trợ lý phân tích cơ bản (mộc): có chức năng phân tích các chỉ tiêu tài chính cơ bản của từng mã cổ phiếu ở kỳ hiện tại, so sánh với chỉ tiêu tài chính trung bình ngành và trung bình toàn thị trường.



Trợ lý báo cáo phân tích (thủy): Có chức năng tra cứu danh sách và nội dung các báo cáo cập nhật doanh nghiệp, phân tích ngành và doanh nghiệp của các chuyên viên phân tích BSC.



Trợ lý phái sinh (hỏa): cung cấp các chức năng sau: lịch phái sinh; thông tin công bố; tư vấn tham khảo thông tin giao dịch và tư vấn chiến lược giao dịch các hợp VN30F1m, VN30F2M, VN30F1Q, VN30F2Q; Xây dựng chiến lược giao dịch Alpha nghiên cứu các tác động làm thay đổi xu hướng vận động của các HDTL theo phiên.

Sử dụng iBroker tại đây
Bản công bố rủi ro

[Link](#)
[Link](#)

Hướng dẫn sử dụng
Video hướng dẫn sử dụng

[Link](#)
[Link](#)

Báo cáo cập nhật trên iBroker trong ngày

Mã gõ báo cáo	Ngày	Nội dung tóm tắt
Express GVR 2020Q2	5/5/2020	Kế hoạch 2020. Doanh thu đạt 24.647 tỷ đồng (+7.76% yoy), LNTT đạt 4.961 tỷ đồng (+6.57%yoy) trong đó Tổng sản lượng khai thác từ 360.000 tấn trở lên, tăng 8,66% so với năm 2019; thu mua 73.000 tấn, sản lượng tiêu thụ kế hoạch 433.000 tấn, tăng 4,79% so với năm 2019. Lĩnh vực kinh doanh chiếm tỷ trọng doanh thu cao nhất là kinh doanh mỏ cao su bị sụt giảm mạnh do giá bán cao su vẫn còn rất thấp; khối sản phẩm gỗ và công nghiệp cao su đang chịu áp lực cạnh tranh; khối khu công nghiệp chưa có tín hiệu rõ ràng về cơ chế thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất; đặc biệt là ảnh hưởng nghiêm trọng của dịch bệnh Covid-19. Một số thông tin khác. Theo phê duyệt của tỉnh Đồng Nai, GVR sẽ chuyển nhượng khoảng 1.800 ha trong dự án thu hồi đất, bồi thường hỗ trợ, tái định cư Cảng Hàng không Quốc tế Long Thành trong khoảng trước tháng 10/2020, với giá đền bù 475 triệu đồng/ha (chưa bao gồm cây cao su). KQKD quý 1.2020. Doanh thu thuần đạt gần 121 tỷ đồng cao gấp 2,5 lần cùng kỳ đến chủ yếu từ 103 tỷ đồng doanh thu cho thuê khoảng 9ha đất KCN và phí quản lý khoảng và hơn 15 tỷ đồng doanh thu hoạt động khu dịch vụ thể dục thể thao, LNST đạt 53.6 tỷ đồng (gấp 2.89 lần cùng kỳ), lần lượt hoàn thành được 32% kế hoạch doanh thu và 47% kế hoạch LNST, biến LNG ổn định duy trì ở mức 53%. Kế hoạch 2020. Doanh thu 371 tỷ đồng, LNST 115.4 tỷ đồng trong đó (1) KCN: ký thuê 23ha, ký MOU 50ha, doanh thu cho thuê đất KCN, thuê nhà xưởng, phí quản lý và dịch vụ 282 tỷ, trong đó thuê đất KCN, nhà xưởng, phí quản lý khoảng 278 tỷ đồng. (2) BOT: dự kiến 64.5 tỷ đồng (3) Tư vấn giám sát: 3.5 tỷ đồng, sân golf 5.5 tỷ đồng (cho thuê sân tập) (4) BĐS dân dụng: 5 tỷ.
Express SZC 2020Q2	5/5/2020	Kế hoạch kinh doanh: Tổng doanh thu đạt 6,200 tỷ (-20%yoy), LNST đạt 433 tỷ (-48%yoy). Dự kiến chia cổ tức 2019 bằng cổ phiếu với tỷ lệ 15% vào quý 3. Kết quả Q1/2020: Doanh thu đạt 1,600 tỷ (-14%yoy), lợi nhuận sau thuế đạt 114.6 tỷ (-34.5%yoy). Nguyên nhân đến từ (1) sản lượng vận tải dầu thô và dầu sản phẩm từ Dung Quất và Nghi Sơn giảm do cầu yếu, tồn kho nhiều và (2) giá dầu giảm mạnh => giá cước tàu dầu thô chạy nội địa giảm để hỗ trợ các nhà máy lọc dầu. Với giả định (1) giá dầu trung bình năm 2020 ở mức 48.5\$/thùng (-24%yoy) và (2) nhà máy lọc dầu Dung Quất và Nghi Sơn hoạt động ở mức công suất 90%, BSC ước tính doanh thu và lợi nhuận sau thuế của PVT lần lượt đạt 6,860 tỷ (-11%yoy) và 632 tỷ (-23%yoy). Với giả định (1) giá dầu trung bình năm 2020 ở mức 48.5\$/thùng (-24%yoy – tương đương 50% mức giảm từ trường hợp xấu nhất) và (2) nhà máy lọc dầu Dung Quất và Nghi Sơn hoạt động ở mức công suất 90%, BSC ước tính doanh thu và lợi nhuận sau thuế của PVT lần lượt đạt 6,860 tỷ (-11%yoy) và 632 tỷ (-23%yoy). Trong trường hợp xấu nhất, nhu cầu dầu thấp khiến giá dầu ở mức 33\$/thùng và Dung Quất cùng Nghi Sơn chỉ hoạt động với công suất 70%, chúng tôi ước tính doanh thu và lợi nhuận sau thuế cả năm của PVT đạt 6.1 nghìn tỷ (-20%yoy) và LNST đạt 493 tỷ (-39%yoy – không tính thanh lý tàu) – tương đương điều chỉnh giảm 13.5% và 42% so với dự phóng đầu năm. Chúng tôi sẽ tiến hành đánh giá lại khi có số liệu đầy đủ và chính xác hơn. Kế hoạch kinh doanh: Tổng doanh thu đạt 6,200 tỷ (-20%yoy), LNST đạt 433 tỷ (-48%yoy). Dự kiến chia cổ tức 2019 bằng cổ phiếu với tỷ lệ 15% vào quý 3.
Express HPG 2020Q2	4/28/2020	Kế hoạch kinh doanh năm 2020 DGC đặt kế hoạch doanh thu 6,085 tỷ (+19.5% YoY) và lợi nhuận sau thuế 600 tỷ (+4.9% YoY). Kết quả kinh doanh Quý 1 DGC ghi nhận doanh thu và lợi nhuận sau thuế lần lượt là 1,520 tỷ (+30.6% YoY) và 199.5 tỷ (+66.3% YoY). Biên lợi nhuận gộp đạt 20.1%, tăng mạnh từ mức 16.9% cùng kỳ. Công ty cho biết trong quý 1 năm 2020 sản lượng tăng 30.1% (chủ yếu ở sản phẩm phốt pho và phân bón), như vậy, giá bán bình quân tiếp tục đi ngang. Việc biên lợi nhuận gộp tăng mạnh BSC cho rằng nhờ giảm chi phí đầu vào: Giá than cốc (chiếm ~10% COGS) giảm 10.3% YoY. DGC cho biết việc vận chuyển hàng hóa vẫn diễn ra bình thường trong quý 1 năm 2020. Thuế xuất khẩu mặt hàng Phốt pho Bộ Tài chính quyết định giữ nguyên mức thuế xuất khẩu với Phốt pho vàng là 5% sau khi tỉnh Lào Cai đề xuất tăng lên mức 20%.
Express PVT 2020Q2	4/27/2020	Kế hoạch kinh doanh: Tổng doanh thu đạt 6,200 tỷ (-20%yoy), LNST đạt 433 tỷ (-48%yoy). Dự kiến chia cổ tức 2019 bằng cổ phiếu với tỷ lệ 15% vào quý 3. Kết quả kinh doanh năm 2020 DGC đặt kế hoạch doanh thu 6,085 tỷ (+19.5% YoY) và lợi nhuận sau thuế 600 tỷ (+4.9% YoY). Kết quả kinh doanh Quý 1 DGC ghi nhận doanh thu và lợi nhuận sau thuế lần lượt là 1,520 tỷ (+30.6% YoY) và 199.5 tỷ (+66.3% YoY). Biên lợi nhuận gộp đạt 20.1%, tăng mạnh từ mức 16.9% cùng kỳ. Công ty cho biết trong quý 1 năm 2020 sản lượng tăng 30.1% (chủ yếu ở sản phẩm phốt pho và phân bón), như vậy, giá bán bình quân tiếp tục đi ngang. Việc biên lợi nhuận gộp tăng mạnh BSC cho rằng nhờ giảm chi phí đầu vào: Giá than cốc (chiếm ~10% COGS) giảm 10.3% YoY. DGC cho biết việc vận chuyển hàng hóa vẫn diễn ra bình thường trong quý 1 năm 2020. Thuế xuất khẩu mặt hàng Phốt pho Bộ Tài chính quyết định giữ nguyên mức thuế xuất khẩu với Phốt pho vàng là 5% sau khi tỉnh Lào Cai đề xuất tăng lên mức 20%.
Express DGC 2020Q2	21/4/2020	Kế hoạch kinh doanh năm 2020 DGC đặt kế hoạch doanh thu 6,085 tỷ (+19.5% YoY) và lợi nhuận sau thuế 600 tỷ (+4.9% YoY). Kết quả kinh doanh Quý 1 DGC ghi nhận doanh thu và lợi nhuận sau thuế lần lượt là 1,520 tỷ (+30.6% YoY) và 199.5 tỷ (+66.3% YoY). Biên lợi nhuận gộp đạt 20.1%, tăng mạnh từ mức 16.9% cùng kỳ. Công ty cho biết trong quý 1 năm 2020 sản lượng tăng 30.1% (chủ yếu ở sản phẩm phốt pho và phân bón), như vậy, giá bán bình quân tiếp tục đi ngang. Việc biên lợi nhuận gộp tăng mạnh BSC cho rằng nhờ giảm chi phí đầu vào: Giá than cốc (chiếm ~10% COGS) giảm 10.3% YoY. DGC cho biết việc vận chuyển hàng hóa vẫn diễn ra bình thường trong quý 1 năm 2020. Thuế xuất khẩu mặt hàng Phốt pho Bộ Tài chính quyết định giữ nguyên mức thuế xuất khẩu với Phốt pho vàng là 5% sau khi tỉnh Lào Cai đề xuất tăng lên mức 20%.

Room tư vấn Skype



Room tư vấn Zalo



Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV

35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: +84 4 3935 2722

Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn

Cộng Trại

Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: +84 8 3821 8885

Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: RESP BSCV <GO>



Đối với KHTC mời liên lạc:

Vũ Thanh Phong

Trần Thành Hưng

Nguyễn Hoàng Dương

Nguyễn Hoàng Nguyễn

Chức vụ

Trưởng phòng TVĐT và môi giới KHTC

Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC

Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC

Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC

Địa chỉ email

phongvt@bsc.com.vn

hungtt@bsc.com.vn

duongnh@bsc.com.vn

nguyennh@bsc.com.vn